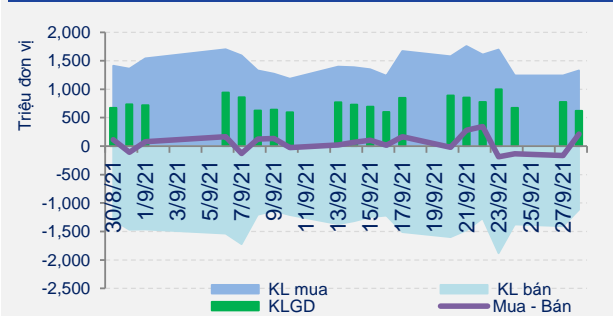
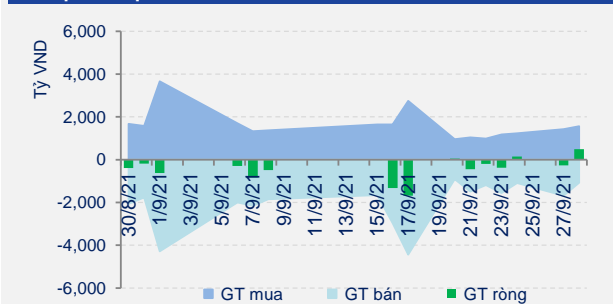


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 28/9/2021

| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,339.31 | 356.03 |
| % Thay đổi | ↑ 1.08% | ↑ 0.86% |
| KLGD (CP) | 622,583,620 | 159,187,928 |
| GTGD (tỷ đồng) | 18,271.37 | 3,223.68 |
| Tổng cung (CP) | 1,119,910,200 | 186,644,000 |
| Tổng cầu (CP) | 1,332,877,500 | 186,574,700 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 23,886,957 | 1,110,700 |
| KL mua (CP) | 39,296,700 | 770,500 |
| GT mua (tỷ đồng) | 1,568.91 | 18.47 |
| GT bán (tỷ đồng) | 1,083.60 | 28.17 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 485.31 | (9.70) |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 0.75% | 23.0 | 3.7 | 1.8% |
| Công nghiệp | ↑ 1.40% | 19.0 | 3.0 | 9.3% |
| Dầu khí | ↑ 3.45% | 15.9 | 1.8 | 4.2% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -0.06% | - | 4.8 | 4.8% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 0.33% | 17.7 | 2.6 | 0.9% |
| Hàng Tiêu dùng | ↑ 0.65% | 20.6 | 4.1 | 7.5% |
| Ngân hàng | ↑ 0.50% | 11.4 | 2.3 | 14.0% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 2.37% | 12.8 | 2.7 | 21.6% |
| Tài chính | ↑ 0.97% | 17.0 | 3.3 | 32.3% |
| Tiền ịch Cộng đồng | ↑ 4.12% | 15.1 | 2.5 | 3.7% |
| VN - Index | ↑ 1.08% | 16.3 | 2.9 | |
| HNX - Index | ↑ 0.86% | 18.9 | 4.3 | |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục trở lại trong phiên hôm nay. Cụ thể, VN-Index tăng 14,32 điểm (+1,08%) lên 1.339,31 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 279 mã tăng, 57 mã tham chiếu, 129 mã giảm. HNX-Index tăng 3,02 điểm (+0,86%) lên 356,03 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 166 mã tăng, 36 mã tham chiếu, 106 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 721 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 18.789 tỷ đồng. Thị trường giảm điểm vào đầu phiên sáng nhưng lực cầu gia tăng sau đó đã giúp các chỉ số quay trở lại sắc xanh và đồng loạt đóng cửa ở gần mức cao nhất. Nhóm dầu khí là tâm điểm thu hút dòng tiền trong phiên hôm nay với hàng loạt mã tăng mạnh, thậm chí tăng trần, có thể kể đến như GAS (+5,7%), BSR (+4,7%), PVS (+8%), PVD (+7%), PLX (+2%), OIL (+5,8%), PVC (+9,5%)... trong bối cảnh giá dầu WTI vượt mốc 75 USD/thùng. Đà tăng cũng lan tỏa ra nhiều nhóm cổ phiếu khác như bất động sản, xây dựng, thép, ngân hàng, chứng khoán... giúp thị trường trở nên tương đối sôi động. Ở nhóm Bluechips, các cổ phiếu như BVH (+3,9%), HPG (+3,5%), MSN (+0,7%), REE (+4%), VIC (+0,5%), VNM (+0,6%), VHM (+0,4%), PNJ (+2,2%), POW (+1,7%), MWG (+0,6%)... đồng thuận tăng giúp sắc xanh thị trường được củng cố vững chắc. Chiều ngược lại, bất chấp thị trường chung hồi phục, nhóm vốn hoá nhỏ tiếp tục bị bán mạnh với nhiều mã giảm sàn, trắng bên mua như QBS (-7%), CSV (-7%), SAM (-6,8%), ABS (-6,8%), TDH (-6,9%), APG (-6,8%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index (+1,08%) hồi phục kỹ thuật trong phiên hôm nay, qua đó lấy lại được hơn một nửa mức giảm (-1,94%) của phiên trước đó. Thanh khoản suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự mạnh. Điểm tích cực là việc khối ngoại quay trở lại mua ròng với khoảng 470 tỷ đồng trên hai sàn. Trên góc nhìn kỹ thuật, với phiên hồi phục hôm nay nhưng VN-Index vẫn chưa thể lấy lại được ngưỡng tâm lý 1.350 điểm thì chưa thể kết luận là khả năng giảm đã hết. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 29/9, VN-Index có thể biến động giằng co và rung lắc với vùng kháng cự trong khoảng 1.340-1.345 điểm (MA20) và ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.330 điểm (MA50). Nhà đầu tư đang có tỷ trọng cổ phiếu lớn có thể tiếp tục canh những phiên hồi phục để giảm tỷ trọng. Nhà đầu tư đang có tỷ trọng tiền mặt cao tiếp tục đứng ngoài và quan sát thị trường, chưa nên mua vào ở thời điểm hiện tại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

28/9/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.316,41 điểm. Từ khoảng 10h30 trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số quay trở lại sắc xanh và đà tăng mạnh lên sau đó, với mức cao nhất trong phiên tại 1.341,81 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 14,32 điểm (+1,08) lên 1.339,31 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS tăng 5.100 đồng, HPG tăng 1.800 đồng, VCB tăng 1.200 đồng. Ở chiều ngược lại, SAB giảm 1.900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong phiên sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 349,62 điểm. Từ khoảng 11h30 trở đi, lực cầu bán gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 357,1 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,02 điểm (+0,86%) lên 356,03 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: PVS tăng 2.100 đồng, SHS tăng 1.000 đồng, THD tăng 600 đồng. Ở chiều ngược lại, SHB giảm 400 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 482,71 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 16,4 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 95,6 tỷ đồng tương ứng với 1,8 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 87,4 tỷ đồng tương ứng với 984 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, GAS là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 85,9 tỷ đồng tương ứng với 919 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 9,62 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 340 nghìn cổ phiếu. SED là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 4,6 tỷ đồng tương ứng với 234 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PGS với 4,6 tỷ đồng tương ứng với 175 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,5 tỷ đồng tương ứng với 91,2 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

WB duy trì dự báo GDP Việt Nam tăng trưởng 4,8% năm nay

WB duy trì dự báo GDP Việt Nam tăng trưởng 4,8% năm nay, tích cực hơn rất nhiều so với dự báo 3,8% tuần trước mà ADB đưa ra. Tỷ lệ tiêu chuẩn không đồng đều giữa các địa phương, rủi ro nợ xấu ngày càng tăng cao là những thách thức mà nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt. WB dự báo GDP Việt Nam 2022 tăng trưởng 6,5-7%.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục trở lại với thanh khoản suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên trong phiên hôm nay là không thực sự mạnh.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Sóng hồi b sau đó cũng đã kết thúc vào ngày 20/8 khi VN-Index (-3,3%) giảm mạnh và xuyên thủng hỗ trợ MA20 và MA50.

Và hiện tại là sóng điều chỉnh c với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.180 điểm (sóng c = sóng a = 200 điểm).

Với phiên hồi phục hôm nay đã giúp cho VN-Index lấy lại ngưỡng hỗ trợ trung hạn quanh 1.330 điểm (MA50) nhưng chỉ số này vẫn chưa thể lấy lại ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.345 điểm. Điều này khiến cho góc nhìn kỹ thuật được cải thiện nhưng vẫn chưa thể tích cực trong ngắn hạn. Nếu có thể vượt qua ngưỡng 1.345 điểm (MA20) trong phiên tiếp theo thì VN-Index có thể hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý quanh 1.350 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu quanh hỗ trợ trung hạn 1.330 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 29/9, VN-Index có thể biến động giằng co và rung lắc với vùng kháng cự trong khoảng 1.340-1.345 điểm (MA20) và ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.330 điểm (MA50).



TIN TRONG NƯỚC

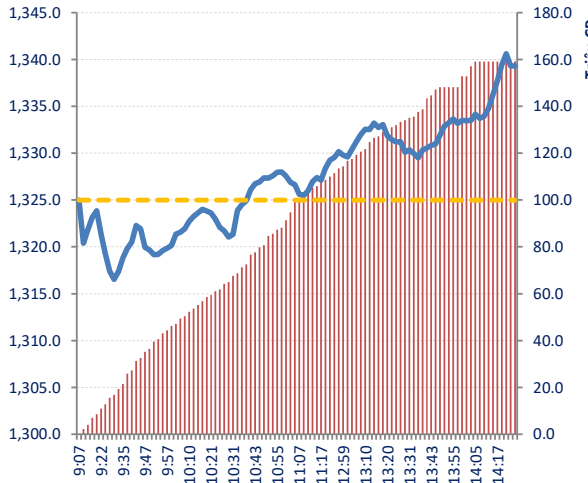
| | |
|-------------------------------------|--|
| Giá vàng trong nước tăng | Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 56,8 - 57,6 triệu đồng/lượng, tăng 100.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay. |
| Tỷ giá trung tâm tăng 4 đồng | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 28/9 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.145 VND/USD, tăng 4 đồng so với hôm qua. |

TIN QUỐC TẾ

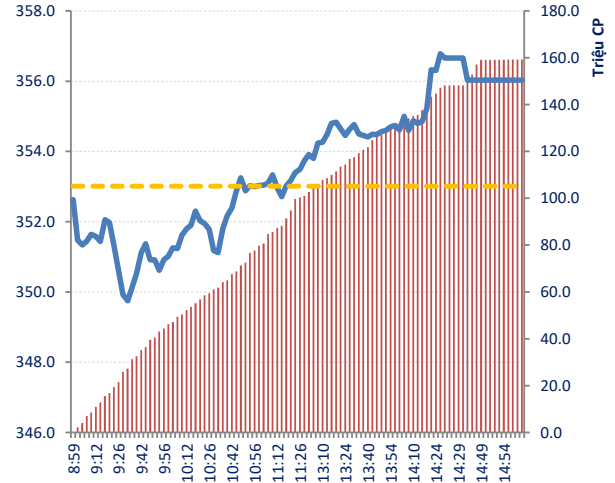
| | |
|--|--|
| Giá vàng thế giới giảm | Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 12,65 USD/ounce tương ứng với 0,72% xuống 1.739,4 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng | Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,231 điểm tương ứng 0,25% lên 93,612 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1677 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3656 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 111,31 JPY. |
| Giá dầu thế giới tăng | Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,86 USD/thùng tương ứng với 1,14% lên 76,31 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều | Kết thúc phiên giao dịch ngày 27/9, Dow Jones tăng 71,37 điểm tương đương 0,21% lên 34.869,37 điểm. Nasdaq giảm 77,73 điểm tương đương 0,52% xuống 14.969,97 điểm. Nasdaq Composite giảm 12,37 điểm tương đương 0,28% xuống 4.443,11 điểm. |

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

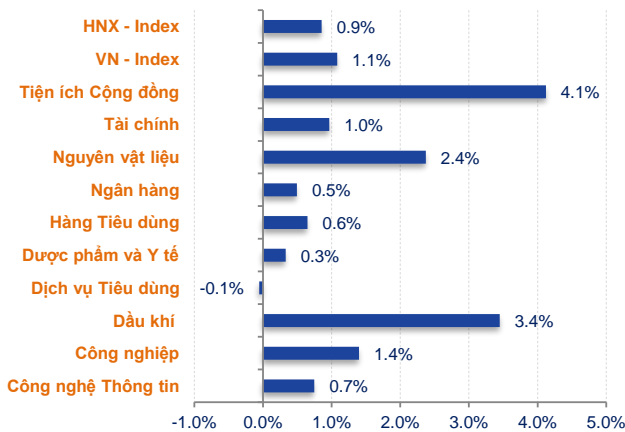
KLGD và VN-Index trong phiên



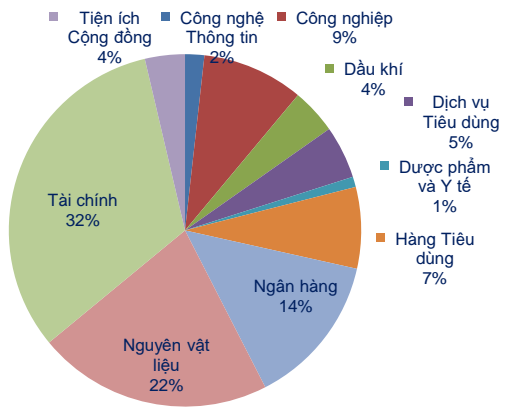
KLGD và HNX-Index trong phiên



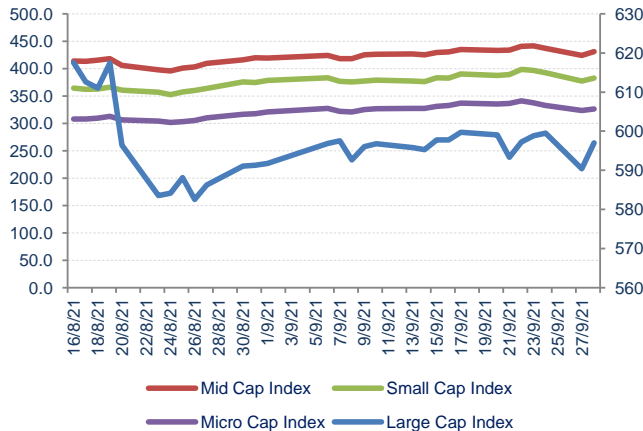
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



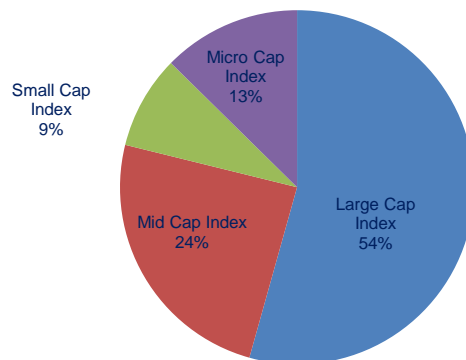
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | HPG | 1,847,600 | HDB | 2,335,400 |
| 2 | KBC | 1,273,000 | KDH | 1,220,400 |
| 3 | STB | 1,186,500 | GVR | 963,700 |
| 4 | HCM | 1,039,700 | GAS | 918,800 |
| 5 | DXG | 998,800 | PLX | 668,300 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | DL1 | 128,500 | SED | 234,100 |
| 2 | PVS | 91,200 | PVG | 191,600 |
| 3 | SHB | 67,700 | PGS | 175,000 |
| 4 | MCF | 26,400 | TNG | 73,072 |
| 5 | TDN | 25,600 | ACM | 53,900 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---|--------|------------|
| HPG | 50.80 | 52.60 | ↑ | 3.54% | 36,221,100 |
| TCH | 17.90 | 18.05 | ↑ | 0.84% | 17,649,000 |
| DLG | 4.41 | 4.30 | ↓ | -2.49% | 14,385,800 |
| FLC | 10.80 | 10.80 | → | 0.00% | 14,144,600 |
| ROS | 5.30 | 5.31 | ↑ | 0.19% | 14,093,900 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---|--------|------------|
| SHB | 26.80 | 26.40 | ↓ | -1.49% | 17,148,985 |
| PVS | 26.20 | 28.30 | ↑ | 8.02% | 15,966,472 |
| AAV | 27.20 | 27.80 | ↑ | 2.21% | 9,301,174 |
| KLF | 4.70 | 4.70 | → | 0.00% | 7,398,517 |
| IDC | 49.00 | 50.80 | ↑ | 3.67% | 7,125,443 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| BIC | 27.20 | 29.10 | 1.90 | ↑ 6.99% |
| ABT | 27.90 | 29.85 | 1.95 | ↑ 6.99% |
| PVD | 20.80 | 22.25 | 1.45 | ↑ 6.97% |
| PGD | 38.80 | 41.50 | 2.70 | ↑ 6.96% |
| TLH | 19.45 | 20.80 | 1.35 | ↑ 6.94% |

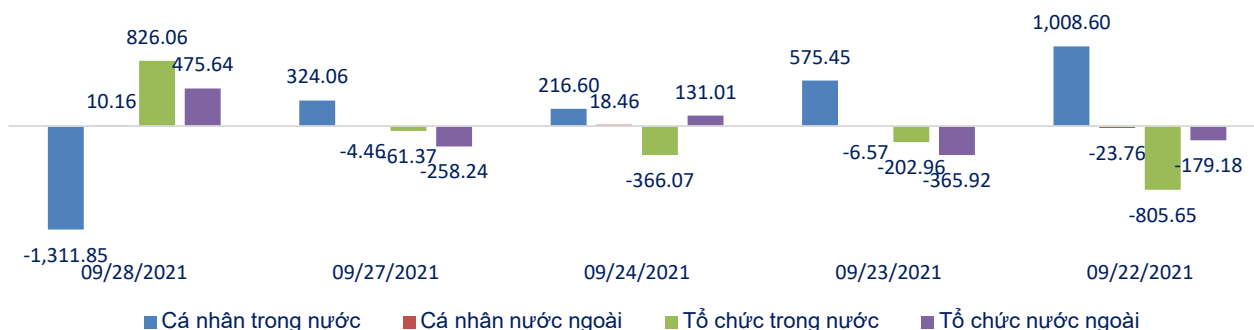
| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| GMX | 21.00 | 23.10 | 2.10 | ↑ 10.00% |
| SAF | 50.00 | 55.00 | 5.00 | ↑ 10.00% |
| API | 41.00 | 45.10 | 4.10 | ↑ 10.00% |
| PV2 | 4.00 | 4.40 | 0.40 | ↑ 10.00% |
| PVG | 13.00 | 14.30 | 1.30 | ↑ 10.00% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| QBS | 4.59 | 4.27 | -0.32 | ↓ -6.97% |
| TGG | 60.30 | 56.10 | -4.20 | ↓ -6.97% |
| CSV | 56.10 | 52.20 | -3.90 | ↓ -6.95% |
| MDG | 13.75 | 12.80 | -0.95 | ↓ -6.91% |
| HVX | 7.97 | 7.42 | -0.55 | ↓ -6.90% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| VLA | 18.00 | 16.20 | -1.80 | ↓ -10.00% |
| SMT | 29.00 | 26.10 | -2.90 | ↓ -10.00% |
| VKC | 20.50 | 18.50 | -2.00 | ↓ -9.76% |
| BII | 19.80 | 17.90 | -1.90 | ↓ -9.60% |
| PJC | 23.00 | 20.80 | -2.20 | ↓ -9.57% |

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| GAS | 99.74 | 16.3% | 4,178 | 21.5 | 3.6 |
| HDB | 51.56 | 20.5% | 2,643 | 9.6 | 1.8 |
| PLX | 35.16 | 15.6% | 3,222 | 15.6 | 2.3 |
| GVR | 32.18 | 10.2% | 1,307 | 27.2 | 2.7 |
| SSI | 26.69 | 16.5% | 2,077 | 19.3 | 3.1 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HPG | -296.92 | 39.5% | 5,614 | 9.0 | 3.1 |
| VNM | -128.60 | 31.9% | 5,109 | 17.4 | 5.4 |
| VHM | -124.80 | 36.9% | 7,782 | 10.0 | 3.4 |
| HSG | -91.45 | 48.3% | 7,821 | 5.6 | 2.2 |
| KBC | -88.29 | 7.1% | 1,694 | 24.5 | 1.6 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---------|---------|-------|-------|------|-----|
| NVL | 3.55 | 12.9% | 3,258 | 31.4 | 3.8 |
| GAS | 2.77 | 16.3% | 4,178 | 21.5 | 3.6 |
| HCM | 2.70 | 19.2% | 2,899 | 17.8 | 3.3 |
| E1VFN30 | 2.61 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| BID | 2.16 | 12.3% | 2,499 | 15.8 | 1.9 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| CNG | -5.35 | 14.3% | 2,628 | 12.6 | 1.9 |
| DXS | -3.57 | 16.0% | 2,911 | 10.0 | 1.4 |
| VND | -2.09 | 34.3% | 5,550 | 9.0 | 2.7 |
| HPG | -2.06 | 39.5% | 5,614 | 9.0 | 3.1 |
| SSI | -1.24 | 16.5% | 2,077 | 19.3 | 3.1 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| HPG | 201.50 | 39.5% | 5,614 | 9.0 | 3.1 |
| VHM | 93.65 | 36.9% | 7,782 | 10.0 | 3.4 |
| KOS | 75.00 | 2.1% | 230 | 135.0 | 3.0 |
| HSG | 66.08 | 48.3% | 7,821 | 5.6 | 2.2 |
| TCB | 45.78 | 21.0% | 4,613 | 10.7 | 2.1 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SSI | -40.87 | 16.5% | 2,077 | 19.3 | 3.1 |
| DIG | -20.60 | 14.4% | 1,636 | 18.0 | 2.5 |
| GAS | -14.53 | 16.3% | 4,178 | 21.5 | 3.6 |
| VND | -12.60 | 34.3% | 5,550 | 9.0 | 2.7 |
| VCI | -11.05 | 24.5% | 3,456 | 16.9 | 3.7 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 97.48 | 39.5% | 5,614 | 9.0 | 3.1 |
| VNM | 88.10 | 31.9% | 5,109 | 17.4 | 5.4 |
| KBC | 54.63 | 7.1% | 1,694 | 24.5 | 1.6 |
| HCM | 52.10 | 19.2% | 2,899 | 17.8 | 3.3 |
| VHC | 35.79 | 13.5% | 3,956 | 12.1 | 1.6 |

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| GAS | -87.99 | 16.3% | 4,178 | 21.5 | 3.6 |
| HDB | -59.31 | 20.5% | 2,643 | 9.6 | 1.8 |
| KDH | -50.17 | 14.7% | 1,981 | 20.9 | 3.0 |
| VIC | -36.20 | 4.5% | 1,600 | 53.8 | 2.3 |
| GVR | -35.40 | 10.2% | 1,307 | 27.2 | 2.7 |



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|---------|------|-----|
| HPG | 36,221,100 | 39.5% | 5,614 | 9.0 | 3.1 |
| TCH | 17,649,000 | 3250.0% | 1,993 | 9.0 | 0.9 |
| DLG | 14,385,800 | -22.4% | (1,948) | - | 0.5 |
| FLC | 14,144,600 | 15.4% | 2,364 | 4.6 | 0.8 |
| ROS | 14,093,900 | 3.1% | 326 | 16.2 | 0.5 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|---------|-----|
| SHB | 17,148,985 | 15.7% | 2,045 | 13.1 | 1.9 |
| PVS | 15,966,472 | 4.4% | 1,187 | 22.1 | 1.0 |
| AAV | 9,301,174 | 5.8% | 618 | 44.0 | 2.5 |
| KLF | 7,398,517 | 0.0% | 4 | 1,147.4 | 0.4 |
| IDC | 7,125,443 | 11.3% | 1,683 | 29.1 | 3.2 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|---------|-----|
| BIC | ↑ 7.0% | 12.6% | 2,585 | 10.5 | 1.4 |
| ABT | ↑ 7.0% | 5.2% | 2,418 | 11.5 | 0.8 |
| PVD | ↑ 7.0% | 0.0% | 7 | 2,967.3 | 0.6 |
| PGD | ↑ 7.0% | 19.0% | 2,831 | 13.7 | 2.5 |
| TLH | ↑ 6.9% | 25.3% | 3,921 | 5.0 | 1.1 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| GMX | ↑ 10.0% | 28.4% | 3,063 | 6.9 | 1.8 |
| SAF | ↑ 10.0% | 32.1% | 4,786 | 10.4 | 3.6 |
| API | ↑ 10.0% | 10.5% | 1,618 | 25.3 | 2.7 |
| PV2 | ↑ 10.0% | 0.4% | 23 | 175.3 | 0.6 |
| PVG | ↑ 10.0% | 3.9% | 515 | 25.2 | 1.0 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 1,847,600 | 39.5% | 5,614 | 9.0 | 3.1 |
| KBC | 1,273,000 | 7.1% | 1,694 | 24.5 | 1.6 |
| STB | 1,186,500 | 11.8% | 1,907 | 13.9 | 1.6 |
| HCM | 1,039,700 | 19.2% | 2,899 | 17.8 | 3.3 |
| DXG | 998,800 | 8.7% | 1,487 | 12.8 | 0.9 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| DL1 | 128,500 | 1.8% | 198 | 53.5 | 0.9 |
| PVS | 91,200 | 4.4% | 1,187 | 22.1 | 1.0 |
| SHB | 67,700 | 15.7% | 2,045 | 13.1 | 1.9 |
| MCF | 26,400 | 8.6% | 953 | 10.0 | 0.9 |
| TDN | 25,600 | 10.5% | 1,365 | 11.9 | 1.3 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 363,470 | 20.6% | 5,533 | 17.7 | 3.5 |
| VHM | 340,512 | 36.9% | 7,782 | 10.0 | 3.4 |
| VIC | 327,629 | 4.5% | 1,600 | 53.8 | 2.3 |
| HPG | 227,224 | 39.5% | 5,614 | 9.0 | 3.1 |
| VNM | 185,588 | 31.9% | 5,109 | 17.4 | 5.4 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|------|
| THD | 79,310 | 33.9% | 6,555 | 34.6 | 13.9 |
| SHB | 51,605 | 15.7% | 2,045 | 13.1 | 1.9 |
| VCS | 19,200 | 42.1% | 10,726 | 11.2 | 4.5 |
| BAB | 16,946 | 7.8% | 876 | 25.7 | 2.0 |
| IDC | 14,700 | 11.3% | 1,683 | 29.1 | 3.2 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| FTS | 2.66 | 22.7% | 3,590 | 15.1 | 3.1 |
| KMR | 2.38 | 2.0% | 201 | 37.5 | 0.7 |
| VDS | 2.37 | 31.0% | 3,666 | 8.5 | 2.3 |
| FIT | 2.37 | 3.4% | 544 | 22.8 | 0.7 |
| HVX | 2.32 | 0.6% | 60 | 132.8 | 0.8 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| HBS | 3.25 | 1.2% | 140 | 76.2 | 0.9 |
| APS | 3.22 | 22.8% | 2,017 | 9.2 | 1.7 |
| ART | 3.07 | 0.3% | 32 | 303.7 | 0.8 |
| MBS | 2.80 | 17.0% | 1,989 | 16.2 | 2.8 |
| WSS | 2.80 | 8.7% | 885 | 12.3 | 1.0 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
